

NOI THEO ĐẠO NHÀ

Nguyễn Khắc Viện*

Lời giới thiệu: Hồi còn ở Pháp, nhân một buổi trao đổi, tranh luận với nhà văn Albert Camus (giải Nobel văn học năm 1957), bác sĩ Nguyễn Khắc Viện nêu vấn đề quan hệ giữa Khổng giáo và học thuyết Mác ở Việt Nam như thế nào. Sau đó, nội dung này đã được bác sĩ Viện viết thành bài “Confucianisme et Marxisme au Vietnam” [Đạo Khổng và chủ nghĩa Mác ở Việt Nam] đăng trên tạp chí *La Pensée*, được dư luận quốc tế và trong nước chú ý. Năm 1993, khi Nxb Ngoại văn quyết định in bài này thành sách *Bàn về đạo Nho*, tác giả đã viết bổ sung một phần đặt tên là “Noi theo Đạo nhà”. Sau 30 năm trải nghiệm những biến động của xã hội Việt Nam và đặc biệt là tự soi rọi vào chính bản thân và thân phụ là một nhà Nho, tác giả đã triển khai chủ đề nói trên một cách sinh động, giúp bạn đọc hiểu sâu hơn về Nho giáo, “Nho sĩ và quan lại”, về chữ “nhân” và “đạo lý”. Ông viết: “...thời thế biến chuyển, tôi có thay đổi chính kiến, nhưng không hề thay đổi đạo lý. Đã gọi là đạo lý, không thể xa rời dù là chốc lát... Có thể liên minh chính trị với quý, chỉ kết bạn với người có “đạo”, dù là “đạo” khác. Liên minh chỉ nhất thời, nghĩa bạn là lâu dài...” Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện bàn về đạo Nho xa xưa mà vẫn rất thời sự. Bình luận về công trình này, nhà văn hóa Vũ Ngọc Khánh (1926-2012) sau khi nhắc lại nhận định của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện cho rằng “Thầy Khổng bỏ qua mặt “dưỡng sinh”, Mác thì xem nhẹ “tu thân”, đã viết: “...Dám nói ra chỗ bất cập của Mác và của Khổng Tử phải... có gan lắm! Nhưng khi đã nói đúng thì việc gì phải quá dè dặt...”. Nhân tưởng niệm 60 năm ngày mất của cụ Hoàng Niêm, chúng tôi xin trích đăng bài viết trên của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện. BBT.

... Anh Đặng Thế Bính mừng tôi 80 tuổi với một bức trưởng thêu mấy chữ Hán:

學而不厭
誨人不倦

Học nhi bất yếm: Học không biết chán.

Hối nhân bất quyện: Dạy (truyền lại) cho người khác không biết mỏi.

Đây là câu của thầy Khổng nói về mình. Ông thường bảo: “*Tố ẩn hành quái, ngô bất vi chi*” - Những việc bí ẩn quái dị tôi không làm, tôi chỉ biết học tập. Học mãi, rồi truyền lại cho người khác. Xem tôi là một đồ đệ của Khổng Tử, anh Đặng Thế Bính đã nhầm đúng. Anh Bính cùng một số anh chị em khác đã cùng tôi làm việc trong một cơ quan, cùng nhau sơ tán. Anh Hữu Ngọc thường gọi tôi là Đồ Nghệ. Cũng đúng.

Chỉ có một điều là thầy Đồ Nghệ này lại học Tây. Sống ở Tây 26 năm ròng rã, cho nên báo *Đất Việt* lại gọi tôi là “Sĩ phu hiện đại”. Hai mặt của một con người, vì có một truyền thống bao đời Nho học, nhưng lại nhuốm vào từng sợi từng thớ những sắc thái của thời nay. Gốc Nho, nhưng ghép vào là khoa học thực nghiệm, là chủ nghĩa tự do dân chủ, là học thuyết Mác.

Tóm gọn lại: Đạo lý là Nho.

Học thức là khoa học thực nghiệm, kết tinh vào học thuyết Mác.

* Bác sĩ, nhà văn hóa (1913-1997).

*
* *



Bốn anh em con cụ Nguyễn Khắc Niêm trong nhà
BS Nguyễn Khắc Viện - Hà Nội, 1986
(Từ phải qua: NK Dương, NK Viện, NK Phi, NK Phê).

Không hiểu vì sao trong gia đình tôi lại gọi bố là Thầy, mẹ là Chị. Lạ, Thầy tôi là một nhà Nho, 20 tuổi đỗ tiến sĩ Hoàng giáp hay chữ nổi tiếng đất Nghệ Tĩnh, cả đến kinh kỳ, thế mà lúc tôi 6-7 tuổi, không cho học chữ Nho, như bao nhiêu người thuở ấy mà cho học ngay trường Pháp-Việt. Có lẽ Thầy tôi đã quá rõ cái cảnh ông Nghè ông Cống cũng nằm co.

Suốt thời bé và trẻ tuổi, tôi không học chữ của thánh hiền mà mơ ước trở thành bác sĩ, kỹ sư, thạc sĩ trường Pháp. Chữ Nho chỉ vờ vẽ học tuần một tiết ở các Trường Quốc Học Vinh và Trường Bưởi Hà Nội. Bố con thời ấy sống cách biệt, con đông, nhà gia giáo, trước bố chỉ biết kính cẩn dạ thưa, không bao giờ bố tôi tỏ ra âu yếm nuông chiều, nhưng cũng không đánh đập to tiếng. Lạ, cũng không bao giờ bố gọi con lại, lên lớp giảng đạo đức cho con. Tôi nhớ chỉ có vài ba lần, cụ nhắc nhở, dặn dò tôi.

Lần đầu tôi ra Hà Nội vào ở nội trú lớp tú tài ở Bưởi. Vài tuần qua, tôi viết thư về và xin cho ra ngoài ở, vì nội trú kỷ luật quá nghiêm “khó chịu” lắm. Thầy tôi trả lời là khó chịu thì tập chịu khó cho quen. Lần thứ hai, 1934, Thầy tôi làm Tuần vũ Khánh Hòa, tôi đỗ tú tài, sắp vào đại học, ông bảo tôi: Con muốn học gì thì học, đừng học làm quan như Thầy. Đây là lời tâm sự của Thầy với tôi lần đầu tiên và cũng chỉ có lần ấy, ông mới thổ lộ cho tôi một ít tâm tư riêng. Rồi, 1937, tôi đi Pháp, ông tiễn tôi đến bến tàu thủy Sài Gòn. Trước khi tôi lên tàu ông trao cho tôi một bức thư bảo: Tàu ra đến biển, con mở ra xem. Không dặn dò gì khác. Tàu kéo neo ra biển, mở thư xem: “Thầy chắc chắn con sẽ học hành đầy đủ, không cần dặn gì thêm, chỉ mong con không lấy vợ đầm”.

Còn chữ Hán, chỉ một lần, tôi đã 15, 16 tuổi rồi không hiểu vì sao, một hôm ở Huế, vào lúc tôi nghỉ hè từ Trường Bưởi về, ông dạy cho tôi một bài thơ Đường mà đến nay tôi vẫn nhớ.^(*)

春眠不覺曉，
處處聞啼鳥。
夜來風雨聲，
花落知多少。

* Đây là bài thơ *Xuân hiếu* (春曉) của Mạnh Hạo Nhiên (孟浩然) 689-740. BBT.

*Xuân miên bất giác hiểu,
Xứ xứ văn đề điệu.
Dạ lai phong vũ thanh,
Hoa lạc tri đa thiếu.*

Tản Đà dịch:

*Đêm xuân một giấc còn mê,
Tiếng chim đâu đã bốn bề xôn xao.
Hồi hôm gió táp mưa rào,
Chỉ e hoa rụng biết bao nhiêu cành.*

Sau này, trong lúc dịch Kiều, ngẫm lại thấy bài dịch của Tản Đà thật hay, nhưng lại không đúng với “tứ” của bài thơ gốc. Tứ của bài gốc là “trí tuệ”-“triết lý”, của bài dịch là trữ tình lãng mạn.

Một ông bố như vậy đã ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách của đứa con trai như thế nào? Đúng về góc độ tâm lý học mà nói, tôi đã “tự đồng nhất” với hình ảnh của bố về nhiều mặt; con người nhà Nho của ông bố đã là hình mẫu con người không phải để tôi noi gương, học tập, bắt chước một cách có ý thức, lúc đã lớn lên, đã có suy nghĩ, mà tôi đã tự đồng nhất từ lúc còn nhỏ, một cách vô thức. Không phải tôi đã học đạo Nho mà đã nhiễm tập phong cách, lối sống của nhà Nho.

Nói về học chữ Nho, thì mãi sau năm 1942 khi nằm bệnh viện tôi mới bắt đầu tự học: Tứ thư, Đường thi và một số tác phẩm Hán-Việt như *Chinh phụ ngâm* và một ít bạch thoại. Lúc ấy học để mà hiểu thêm về văn hóa, văn học Việt Nam nhiều hơn là học Nho giáo. Điều thú vị là chữ Nho viết đẹp hơn a, b, c nhiều, tôi học thì ít nhưng thích viết - thú vị nữa là chữ Hán thường rất cô đúc, trong những câu thơ hay châm ngôn, chỉ cần kết hợp 2, 3 chữ là gọi lên một ý sâu sắc, một cảm xúc sâu thẳm hay nồng nhiệt. Tiếng Việt cũng như vậy. Nhưng không thể cô đúc bằng chữ Hán. Còn tiếng Pháp thì ngược lại: phân tích, mạch lạc dài dòng. Dần dần mới hiểu câu: Không học thơ không biết nói - không biết viết. Kể sĩ là phải biết làm thơ. Nhớ lại bài tập đọc tiếng Pháp nói về ông quan huyện bỏ trốn công đường để làm thơ, xem như chuyện buồn cười. Trái lại, ngày xưa ở nước ta người ta lại chê cười những ông quan huyện không biết làm thơ, nghĩa là vô học. Nhất là ở Nghệ Tĩnh, đông Nho sĩ, triều đình phải cử đến những ông quan thật “hay chữ”. Có lần dân một huyện gánh một ông quan mới đến trả lại cho nhà chức trách Pháp, bảo là ông này không phải là khoa bảng. Những ông quan dốt rất khổ vì bị các ông đồ mĩa mai châm biếm.

Dần dần tôi mới hiểu câu “học để làm quan” chỉ đúng một nửa thôi. Còn về thứ hai - học để hiểu biết cách vật, trí tri, nhân bất học bất tri lý. Không phải chỉ có hệ thống quan chức, mà song song còn có mạng lưới sĩ phu không có quyền lực nhưng nắm lấy học thuật, nhà vua quan lại phải nể nang, không thể xem thường. Dư luận, công luận trong xã hội ngày xưa chính là dư luận trong giới Nho sĩ.

Được sự đồng tình của Nho sĩ thì triều đại vững vàng, Nho sĩ cùng quan lại càng trung thành với nhà vua. Nho sĩ mất lòng tin, thế ngại vàng lung lay. Xã hội học ngày nay đề xuất khái niệm “Thủ lãnh dư luận”, là những người nhiều khi không giữ chức quyền nào, nhưng được dân tin, định hướng cho dư luận. Nho sĩ đóng vai trò như vậy. Không lạ gì, ông quan thì lấy chữ trung làm đầu, mà Nho sĩ sống gần dân lại hướng về dân. Cái gọi là văn học dân gian chính là do những Nho sĩ sống trong các làng xóm, từ những cảm nghĩ tản mạn của dân, đúc thành những câu tục ngữ, ca dao, chuyện cười thú vị.

*

* *

Đến tuổi 60 tôi mới được bác Kim Cương kể chuyện về Thầy tôi. Hồi ấy bác Kim Cương với ông Tôn Quang Phiệt là Thanh niên cách mạng đồng chí vượt biên giới định sang Trung Quốc dự lớp học của Nguyễn Ái Quốc, bị bắt. Nếu xử theo luật nước Pháp thì tội vượt biên không có giấy tờ, không có gì là nặng, cho nên Pháp giao lại cho bên Nam triều xử, theo luật xưa của vua, để bị kết án rất nặng. Hai ông là người Nghệ An, nên đã giải về Vinh giao lại cho Án sát tức quan tòa Nam triều. Án sát lúc ấy chính là Thầy tôi. Thầy tôi không chịu xử, viện cớ là hai người ấy bị bắt ngoài địa phận Nghệ An. Trong lúc bị giam ở Vinh, một buổi tối, hai thanh niên Kim Cương và Tôn Quang Phiệt thấy một người lính mang đến một gói thuốc lào và bánh kẹo, bảo là quan Án gửi tặng hai cậu. Về sau hai người bị kết án nhẹ.



“Nhà Tưởng niệm Hoàng giáp Nguyễn Khắc Niêm” vừa được xây dựng tại xã Sơn Hòa (Hương Sơn, Hà Tĩnh) đầu năm 2012.

Qua câu chuyện trên và một số chuyện người này, người kia kể lại, nay tôi hiểu được tâm tư thầy tôi. Vào thời Văn thân không còn nữa, Phan Bội Châu đã thất bại, đạo Nho cùng đường, không có gan đứng lên chống Pháp, thi đỗ, tưởng ra làm học quan - Đốc học Vinh rồi Tư nghiệp Quốc Tử Giám - là yên thân, không dính dáng đến chính trị, chỉ mong nuôi 5-6 đứa con, ít nhất cũng truyền lại chút ít đạo lý của thánh hiền.

Nào ngờ đâu, Pháp bỏ luôn các trường chữ Nho, phải chuyển sang làm quan chính trị để nuôi gia đình. Làm quan không vui, cố giữ chút thanh liêm, rảnh thì đánh cờ, tổ tôm. Năm 1930, khi Xô Viết Nghệ Tĩnh nổi lên, Pháp cần những ông quan trung thành để cai trị Vinh, bèn đẩy hai chức quan quan trọng của tỉnh là Tổng đốc Phạm Liệu và Án sát Nguyễn Khắc Niêm, hai nhà Nho, hai vị Tiến sĩ được Nho sĩ trong tỉnh tín phục, về ngôi “cạo giấy” tại các Bộ ở Huế. Bang vô đạo⁽¹⁾ nhưng không thể như ngày xưa về quê dạy học, vì không còn ai học chữ Nho nữa nên đành làm quan vậy. Không lạ gì ông đã bảo con đừng lao vào con đường quan lại. Về hưu trước năm 1945, ông chuyển làm thuốc, sau được cử làm ủy viên Liên Việt khu 4.

Thầy tôi không lấy sách Khổng Mạnh dạy chúng tôi, nhưng bao quanh cuộc sống của chúng tôi thời tằm bé là một không khí đặc biệt. Ra vào lễ phép, ăn nói nhẹ nhàng. Mẹ tôi mất sớm, bà mẹ kế (chúng tôi gọi là Mự) cũng gia đình nho giáo, tuy không biết đọc nhưng lại thuộc lòng hết cả *Truyện Kiều* và nhiều bài chữ Hán. Cả hai bà mẹ sinh ra 14 con, cho nên dù lương của Thầy tôi khá cao, cả nhà vẫn phải ăn mặc đạm bạc. Sáng dậy ăn cháo với mấy quả cà, có khi có chút cá kho. Học đến khoảng 10 giờ bụng đói như cào. Có lần tôi kêu lên: Mự ơi, cá kho quá mặn! Mự bảo: Mặn thì ăn ít cá, ăn nhiều cơm cháo vào!

Cho đến ngày ra Hà Nội, tôi mới được đi giày, vì Trường Bưởi bắt buộc. Trước đó chỉ đi guốc, áo len không hề biết, sang nhất là chiếc áo dài lương (the) đen, tóc cắt “Carê”.

Năm 1939, đại chiến bùng nổ, chúng tôi, lưu học sinh ở Pháp không nhận được tiền nhà gửi sang nữa. Chỉ còn hai cách: một là cố gắng tìm việc làm, tự lo lấy; hai là cúi đầu lên Bộ Thuộc địa xin trợ cấp, muốn tránh nhục phải sống giản dị, chịu khó đi tìm việc làm nuôi thân. Lúc này tôi mới thấy cuộc sống đạm bạc của gia đình đã giúp tôi lựa chọn con đường sống. Về sau, hai nhóm sinh viên cũng chia làm hai phe, một bên theo kháng chiến chống Pháp, một bên hướng về Bảo Đại. Đây không phải là lựa chọn chính trị, thực chất là lựa chọn về “đạo lý”. Lần đầu tiên tôi mới suy nghĩ đến hai chữ đạo lý. Thầy tôi nổi tiếng về hay chữ nhưng làm quan cũng được tiếng là thanh liêm, tôi không thể bêu xấu gia đình.

Nằm bệnh viện mười năm, tôi có dịp suy nghĩ nhiều, đọc sách, tiếp xúc nhiều bè bạn. Thời cuộc từ lúc bị bệnh, 1942, đến khi ra viện, 1951, thôi thúc phải có một lập trường, một quan điểm, một chủ nghĩa. Dần dần tôi bị lôi cuốn vào trào lưu Mác-xít. Lòng yêu nước, những hiểu biết về khoa học, tiếp xúc với nhân dân tiến bộ Pháp, dễ dàng dẫn tôi đến chủ nghĩa Mác. Nhưng dù sao vẫn thấy thiếu hụt một chút gì đây, thỏa mãn mới 90-95% thôi. Về sau mới hiểu là thiếu hụt phần “đạo lý”.

*

* *

Nằm bệnh viện, tiếp xúc hàng ngày với các linh mục, bà xơ, một số tín đồ, sách vở không thiếu, tôi tìm hiểu (khá sâu) về đạo Kitô. Nhưng đạo này có

một cái gì hoàn toàn xa lạ với cái chất con người Việt Nam của tôi. Tôi không thể nào hình dung được một ông Chúa trời dạng con người, một ông bố siêu nhiên rồi lại ủy nhiệm cho Giáo hoàng, cho Giám mục và cả một bộ máy quan liêu quyền lực tuyệt đối. Tôi tập luyện theo kiểu Ấn Độ, kiểu thiền nhưng cũng không thể chấp nhận lối sống xuất thế. Còn phần Yoga tôi cũng tránh việc “*Tổ ấn hành quá*”, tránh tin phù phép, chỉ giữ phần dưỡng sinh, nâng cao sức khỏe, giúp con người giữ bình tĩnh, đỡ mệt mỏi.

Tôi còn nặng nợ chưa bỏ đời đi tu được. Ngày tôi học đại học Hà Nội, có lần về quê, một bà cô hỏi cháu ở ngoài ấy ăn tiêu hết bao nhiêu. Tôi trả lời là 20 đồng bạc. Bà thốt lên: Cả nhà cô 5-6 người ở quê ăn cũng đủ. Cả tỉnh Hà Tĩnh thời ấy cùng lứa thì một mình tôi được lên đại học. Rồi tôi qua Pháp, ăn tiêu mỗi tháng bằng 20-30 người ở nhà. Nợ dân, nợ nước, nợ nhà nặng quá, phải tính cách trả... Tôi lao vào hoạt động chính trị rồi từ quan điểm tu, tề, trị, bình, tiến lên chủ nghĩa Mác. Theo con đường ấy tôi thấy trả được nợ với Thầy tôi, với làng nước. Và con người của tôi lớn lên trong truyền thống một gia đình nho giáo, tiếp thu tinh thần khoa học thực nghiệm kết hợp được nhiều mặt. Cái gốc duy lý của đạo Nho không đối lập với khoa học, với học thuyết Mác. Cơ sở nhân bản, lấy con người, lấy cuộc sống xã hội làm gốc, đúng vậy. Phân tích xã hội, để hiểu rõ lịch sử, xác định đường lối thì chủ nghĩa Mác hơn hẳn, nhưng Mác trong đạo lý không được nổi bật và cụ thể như trong Nho giáo. Có thể nói không có học thuyết chủ nghĩa nào đặt vấn đề “Xử thế” rõ ràng và đầy đủ như vậy. Đặc biệt về cách ứng xử của nhà Nho đối với vua chúa. Sách Hy Lạp hay nhắc chuyện, khi Hoàng đế Alexandre đến thăm Diogen đang trần trụi nằm ở vỉa hè, ông ta la lên: kìa ông kia lù ra, che hết ánh sáng của tôi. Tôi thích câu chuyện của Hứa Do nghe phái viên của nhà vua lần thứ hai đến mời ra làm quan, liền bỏ đi ra rửa tai, bảo là rửa sạch những điều dơ bẩn. Nhưng thích hơn cả là chuyện một nhà Nho được vua gọi lên, bảo: Nhà vua nên đến thăm tôi hơn là tôi đến thăm nhà vua. Vua hỏi vì sao - vì nếu tôi đến thì tôi mang tiếng là nịnh vua, còn vua đến tôi thì vua được tiếng là tôn trọng người hiền, quý kẻ sĩ (tức trí thức).

Tôi thích thú tinh thần có mức độ, ứng xử vừa phải của đạo Nho. Không cường điệu lên là yêu hết mọi người ngang nhau, mà bảo phải yêu bố mẹ mình, vợ con mình đã rồi mới đến yêu người khác. Lấy ân báo ân nhưng cũng không đến mức lấy ân báo oán, mà báo oán thì lấy công bằng mà xử lý, nhận rõ điều gì là phi pháp, nhưng không nhẫn tâm đến mức đi tố cáo bố mẹ với nhà chức trách. Vì cao hơn pháp luật là tình người, là lòng nhân.

Thế nào là *nhân*? Cả đạo Nho xoay quanh một chữ. Nhân là tính người, khác với thú vật. Nhân là tình người, nối kết người này với người khác. Có tự kiềm chế, khắc kỷ, khép mình vào lễ nghĩa mới nên người. Có mở rộng tầm nhìn, lấy “Văn” mà tô đẹp mới thành người. Có gần bó với người khác mới thật là người. Có thấu hiểu bản thân, tri thiên mệnh mới là con người trưởng thành.

Nhân việc Viện Hàn lâm Pháp tặng giải thưởng năm 1992, có người chê trách tôi đã từng thay đổi ý kiến nhiều lần.

Đúng, thời thế biến chuyển, tôi có thay đổi chính kiến, nhưng không hề thay đổi đạo lý. Đã gọi là đạo lý, không thể xa rời dù là chốc lát. Không vì giàu sang mà sa đọa, không vì nghèo khó mà xa rời, không khuất phục trước uy quyền, thời buổi nào cũng vẫn giữ được đường đi.

Có thể liên minh chính trị với quý, chỉ kết bạn với người có “đạo”, dù là “đạo” khác. Liên minh chỉ nhất thời, nghĩa bạn là lâu dài.

Đóng góp phần mình cho cuộc đấu tranh cứu nước, xây dựng dân chủ, khoa học nhân văn là ba bước đường tôi đã lựa chọn. Đạo là con đường. Nhân văn là tìm hiểu con người về cả ba mặt sinh học - xã hội - tâm lý để cố gắng luyện mình theo ba hướng: Dưỡng sinh (Thầy Khổng bỏ qua mặt này), xử thế, tu thân (Mác xem nhẹ mặt này).

Không nhìn lên trời, không nghĩ đến những gì xảy ra khi chết, không thấy cần thiết biết có thần linh hay không có, không tìm tuyệt đối, không mong trở về với Chúa, thoát khỏi vòng luân hồi, chỉ mong làm con người cho ra người.⁽²⁾ Hình tượng Thầy tôi, đạo lý nhà Nho, đã góp phần không nhỏ, tuy không phải tất cả, giúp tôi nên người. Tôi không xem ông Khổng là một vị thánh - chẳng có ai là thánh cả⁽³⁾ - chỉ xem là một trong những bậc thầy lớn nhất đã giúp cho loài người tiến lên thành người, và nay vào cuối thế kỷ này, ngẫm lại nhiều điều ông dạy vẫn còn rất bổ ích.

Phải thông qua phong cách và thân phận của một ông bố mới hiểu thấu sách của Khổng Mạnh. Cũng chưa đủ. Khi học về các nhà văn Pháp, như Racine, Hugo chỉ chú ý đến tác phẩm và lời văn. Nhưng khi học về Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Ngô Thì Nhậm, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu... chủ yếu là nhớ đến những con người, những thân phận, những con người mà xã hội xưa gọi là Nho sĩ.

Cũng phải thông qua những gương sống, cách xử thế của bao chế độ mới thật hiểu. Một số học giả phương Tây dày công nghiên cứu Khổng Tử. Nhờ tư liệu phong phú, phương pháp phân tích xác đáng, họ đi sâu vào nhiều điểm còn hơn các Nho sĩ của ta. Nhưng đọc sách vở của họ, thấy vẫn thiếu một cái gì, họ vẫn đứng ngoài mà nhìn vào, hiểu được học thuyết triết lý mà không nắm, không thấm được đạo lý. Họ thiếu cả một chiều dày truyền thống.

Nhờ truyền thống ấy mà, dù có hấp thụ sâu sắc chủ nghĩa tự do cá nhân, tôi vẫn thấy mình nặng nợ với đất nước, với làng xóm, với phố phường, thấy mình có gốc, có rễ, một điều mà không ít bạn thân của tôi, người Pháp, nhìn vào có ý thèm muốn mà không đạt được.

Cái “phận” của tôi được may mắn hơn Thầy tôi: sinh sau lúc đạo Nho đã cùng đường lịch sử, nhưng truyền thống đạo lý còn đó, và lúc nước nhà đã sang

trang lịch sử, mở cho những Nho sĩ ngày nay những con đường mới, giúp cho trở thành những kẻ sĩ hiện đại.

Hà Nội, tháng 6 năm 1993

N K V

(Trích từ cuốn *Bàn về đạo Nho*, Nxb Ngoại văn, Hà Nội, 1993)

CHÚ THÍCH

- (1) “Bang” là “Nước”. Cụm từ “Bang vô đạo” dùng rất nhiều trong sách cổ. Ví dụ: Sách *Luận ngữ* viết: “Bang hữu đạo tắc trí; Bang vô đạo tắc ngu” (Nước có đạo thì tỏ ra sáng suốt thông minh; Nước vô đạo thì làm ra vẻ ngu dốt - ý nói để tránh tai họa, bất cộng tác...). Chú thích của Nguyễn Khắc Phi (NKP).
- (2) Ý tác giả muốn nói rằng khi chưa thể làm được một “người” đúng nghĩa (là người có hiểu đạo), thì không thể làm gì khác hơn (tìm cầu những điều cao sâu huyền diệu...), chứ không phải phủ nhận những thực tại vượt ngoài sự tri nhận đương thời của con người, cũng như một đạo sư Ấn Độ từng nói: “Hãy bắt đầu với những gì gần nhất bên mình trước khi đi xa...”. NKP.
- (3) Có thể tác giả muốn nói khả năng con người không thể nhận biết được các bậc thánh hiền, các vị có thể hiện hữu, chỉ là phần đông chúng ta chưa có duyên gặp gỡ đó thôi - hướng chỉ khi nói đến “thánh hiền” hay dù có là danh từ “năng lực siêu nhiên” đi nữa, thì cũng chỉ ở trong phạm vi quan niệm, đối tượng của ý thức loài người mà thôi, Lão Tử đã nói: “Đạo khả đạo phi thường đạo” cho nên “Thánh khả thánh phi thường thánh” vậy. NKP.

TÓM TẮT

Hồi còn ở Pháp, nhân một buổi trao đổi, tranh luận với nhà văn Albert Camus (giải Nobel văn học), bác sĩ Nguyễn Khắc Viện (1913-1997) nêu vấn đề quan hệ giữa Khổng giáo và học thuyết Mác ở Việt Nam như thế nào. Sau đó, nội dung này đã được bác sĩ Viện viết thành bài “Confucianisme et Marxisme au Vietnam” [Đạo Khổng và chủ nghĩa Mác ở Việt Nam] đăng trên tạp chí *La Pensée*, được dư luận quốc tế và trong nước chú ý. Năm 1993, khi Nxb Ngoại văn quyết định in bài này thành sách *Bàn về đạo Nho*, tác giả đã viết bổ sung một phần đặt tên là “Nói theo Đạo nhà”. Sau 30 năm trải nghiệm những biến động của xã hội Việt Nam và đặc biệt là tự soi rọi vào chính bản thân và thân phụ là một nhà Nho, tác giả đã triển khai chủ đề nói trên một cách sinh động, giúp bạn đọc hiểu sâu hơn về Nho giáo, “Nho sĩ và quan lại”, về chữ “nhân” và “đạo lý”.

ABSTRACT

FOLLOWING FAMILY'S MORAL PRINCIPLES

When in France, in a discussion with writer Albert Camus (Nobel Prize for Literature), Dr. Nguyễn Khắc Viện (1913-1997) raised the issue of the relationship between Confucianism and Marxist in Vietnam. Then, Dr. Nguyễn Khắc Viện publicized that issue under the title of “Confucianisme et Marxisme au Vietnam” (Confucianism and Marxism in Vietnam) in the magazine *Pensée*, which attracted the attention of domestic and international public opinion. In 1993, when Foreign Languages Publishing House decided to publish that text, entitled “A discussion on Confucianism”, the author wrote an additional section named “Following family's moral principles”. After 30 years of experiencing Vietnam's social upheavals and, especially, observing himself and his father who was a Confucian scholar, the author develops the above subject vividly to help readers have a thorough understanding of Confucianism, “Confucian scholars and mandarins”, of “compassion” and “morality”.